

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CÀN GIỜ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	8 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 42
PHỤ LỤC SỐ 01	43

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ**

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhi, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 từ trang 08 đến trang 43 kèm theo.

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Thành viên**

Ông Đặng Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên
Ông Đoàn Văn Trinh	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Lộc	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Huỳnh Tuyết Mai	Kiểm soát viên
--------------------	----------------

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Hiếu	Giám đốc
Nguyễn Duy Lộc	Phó Giám đốc
Đoàn Văn Trinh	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Thành Thật.

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**


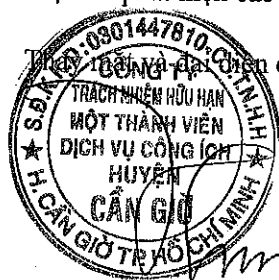
**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Trên đây là Báo cáo tài chính cho Ban Giám đốc,  
  


**Nguyễn Văn Hiếu**  
Giám đốc

Cần Giờ, ngày 30 tháng 01 năm 2018

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2018, từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản công nợ tại ngày 31/12/2017, các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá các khoản mục công nợ này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2017
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	16.171.969.505
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	912.292.785
Phải thu ngắn hạn khác	136	13.700.949.822
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	9.061.696.947
Phải thu dài hạn khác	216	2.139.726.407
Phải trả người bán ngắn hạn	311	143.095.613
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.418.053.067
Phải trả khác ngắn hạn	319	4.146.385.890
Phải trả khác dài hạn	337	422.741.329

Căn cứ theo số liệu kiểm kê tại ngày 31/12/2017, giá trị hàng tồn kho của Công ty khi kiểm kê thực tế phát sinh chênh lệch thiếu so với sổ sách Công ty là 308.580.674 đồng và chênh lệch thừa so với sổ sách Công ty là 14.692.337 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa tìm được nguyên nhân nên chưa thực hiện điều chỉnh theo quy định. Theo đó, chúng tôi cũng chưa có đầy đủ bằng chứng thích hợp để thực hiện việc điều chỉnh này và đánh giá ảnh hưởng của khoản mục này cũng như xác định được những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ theo quy định tại Thông tư 200 và Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với số tiền 10.690.203.354 đồng. Theo đó, nếu thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định, các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 như "Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi" (Mã số 219) sẽ tăng lên là 10.690.203.354 đồng và "LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước" (Mã số 421a) giảm đi là 10.690.203.354 đồng và các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 như "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (Mã số 26) tăng lên là 10.690.203.354 đồng và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (Mã số 60) giảm đi là 10.690.203.354 đồng. (Chi tiết tại Phụ lục số 01).

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ nghiệm thu quyết toán, biên bản xác nhận của khoản doanh thu "Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống đường bộ đường Rừng Sác" đã ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với số tiền 1.144.063.672 đồng. Theo đó, chúng tôi chưa có đầy đủ cơ sở và bằng chứng thích hợp của các khoản doanh thu này đã ghi nhận trên khoản mục "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và đánh giá việc kết chuyển giá vốn tương ứng với số tiền là 970.784.229 đồng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.

Công ty chưa thực hiện điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2014 và 2015 theo Biên Bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2014, 2015 của Ủy Ban Nhân dân Huyện Cần Giò. Theo đó, nếu thực hiện điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính theo Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính 2015, 2016 thì một số chỉ tiêu sau trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 sẽ thay đổi như sau:

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Số trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
		01/01/2017 VND	Tăng(+)/ Giảm(-) VND	01/01/2017 VND
Phải trả người bán ngắn hạn	311	161.067.502	(14.007.980)	147.059.522
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.197.255.526	206.590.410	2.403.845.936
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(5.090.511.173)	(192.582.430)	(5.283.093.603)

Chỉ tiêu	Mã số	Số trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
		31/12/2017 VND	Tăng(+)/ Giảm(-) VND	31/12/2017 VND
Phải trả người bán ngắn hạn	311	228.095.613	(14.007.980)	214.087.633
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.685.596.921	206.590.410	3.892.187.331
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(2.225.663.173)	(192.582.430)	(2.418.245.603)

Công ty đang tập hợp hồ sơ chứng từ về công trình các khu dân cư nhằm xin Ủy ban phê duyệt quyết toán doanh thu của phần san lấp mặt bằng các khu dân cư mà Công ty đã thực hiện từ nhiều năm trước đây. Tương ứng với khoản doanh thu này thì phần chi phí tương ứng đã thực hiện từ nhiều năm trước của các công trình này Công ty đang theo dõi số dư trên khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn tại mục số 12 của Thuyết minh Báo cáo tài chính với giá trị là 3.711.657.528 đồng. Đồng thời, Công ty cũng chưa tập hợp và ghi nhận đầy đủ chi phí và công nợ phải trả tương ứng với khối lượng công việc mà trước đây các đối tượng có liên quan đã thực hiện ngoài các khoản chi phí dở dang nêu trên của các công trình khu dân cư này. Theo đó, chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để thực hiện việc điều chỉnh công nợ, doanh thu, chi phí và giá vốn liên quan đến khối lượng công việc đã được thực hiện từ các năm trước đây của công trình các khu dân cư theo đúng quy định hiện hành cũng như chưa thể xác định được những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Cần Giuộc tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như được nêu tại mục 7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Quý khen thưởng phúc lợi tại ngày 31/12/2017 của Công ty có số dư âm 4.606.621.340 đồng và được phản ánh lên chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác (Mã số 136) trên Bảng cân đối kế toán.

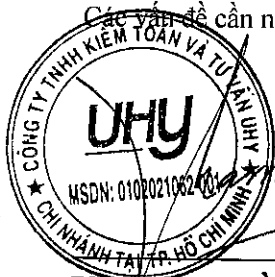
Quý lương năm 2017 của Công ty đã được Hội đồng Thành viên Công ty thông qua. Tuy nhiên, việc sử dụng và phê duyệt chính thức Quý lương, các Quý được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của Công ty phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Chi cục Tài chính doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Các vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 1.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Ngày 28/11/2016, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6225/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2017, công tác Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa vẫn chưa được thực hiện và chưa hoàn thành. Do đó, căn cứ theo Nghị định 126/NĐ-CP/2017 ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì đã quá thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp nên Chủ sở hữu phải điều chỉnh lại thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Chủ sở hữu vẫn chưa có quyết định điều chỉnh thống nhất lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được lập theo mục đích thông thường hàng năm mà không nhằm phục vụ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nếu thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp được Chủ sở hữu thông qua tại thời điểm ngày 31/12/2017 thì căn cứ theo khoản 1, điều 9 của Thông tư số 127/2014/TT-BTC về hướng dẫn xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất các khoản nợ phải thu khó đòi và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị 2.108.079.412 đồng sau khi sử dụng để bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1496-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2018*

**Nguyễn Thị Tuyết Hoa**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 3558-2017-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>58.776.940.544</b>	<b>38.772.217.800</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.951.474.845	12.259.075.242
Tiền	111		17.951.474.845	11.259.075.242
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.914.568.191	25.107.241.240
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.644.310.826	12.626.836.597
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		912.292.785	258.882.475
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	15.357.964.580	12.221.522.168
Hàng tồn kho	140	9	1.521.834.499	1.278.411.926
Hàng tồn kho	141		1.521.834.499	1.278.411.926
Tài sản ngắn hạn khác	150		389.063.009	127.489.392
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	237.168.136	97.781.573
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	151.894.873	29.707.819
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.984.390.534</b>	<b>39.717.399.074</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.867.988.596	19.382.594.363
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	9.061.696.947	9.953.678.947
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	363.815.500
Phải thu dài hạn khác	216	7	8.914.371.061	9.681.985.819
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	(2.108.079.412)	(616.885.903)
Tài sản cố định	220		10.079.640.934	11.938.889.157
Tài sản cố định hữu hình	221	10	10.079.640.934	11.938.889.157
- Nguyên giá	222		26.052.653.392	25.787.284.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.973.012.458)	(13.848.395.690)
Bất động sản đầu tư	230	11	-	-
- Nguyên giá	231		-	265.591.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(265.591.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>9.036.761.004</b>	<b>8.395.915.554</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	12	3.711.657.528	3.711.657.528
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.325.103.476	4.684.258.026
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>93.761.331.078</b>	<b>78.489.616.874</b>

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>49.990.808.051</b>	<b>38.543.603.205</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.413.866.719</b>	<b>23.741.454.142</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	228.095.613	161.067.502
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.418.053.067	242.965.485
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.685.513.229	2.197.255.526
Phải trả người lao động	314		5.909.402.394	4.330.133.873
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	20.526.428.859	10.222.112.099
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	4.146.385.890	5.004.469.657
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	499.987.667	1.583.450.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.576.941.332</b>	<b>14.802.149.063</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	1.879.540.067
Phải trả dài hạn khác	337	18	12.422.741.329	12.422.741.329
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	-	499.867.667
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		154.200.003	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>43.770.523.027</b>	<b>39.946.013.669</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>43.770.523.027</b>	<b>39.946.013.669</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.783.000.000	38.783.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.388.676.842	3.388.676.842
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.598.846.185	(2.225.663.173)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.225.663.173)	(5.090.511.173)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.824.509.358	2.864.848.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>93.761.331.078</b>	<b>78.489.616.874</b>

Cần Giờ, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Thị Minh Ngọc

Nguyễn Thành Thật



Nguyễn Văn Hiếu

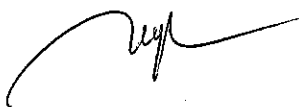
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

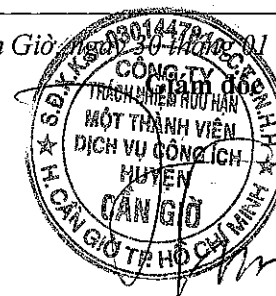
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	71.462.977.673	59.358.843.256
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>71.462.977.673</b>	<b>59.358.843.256</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	56.239.961.430	46.689.846.917
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>15.223.016.243</b>	<b>12.668.996.339</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	70.787.952	127.695.119
Chi phí tài chính	22	25	60.374.000	97.895.667
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>60.374.000</i>	<i>97.895.667</i>
Chi phí bán hàng	25	28	2.749.890.033	2.733.068.684
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	8.600.114.879	7.256.605.072
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.883.425.283</b>	<b>2.709.122.035</b>
Thu nhập khác	31	26	1.874.018.141	990.220.223
Chi phí khác	32	27	772.061.791	1.339.365
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.101.956.350</b>	<b>988.880.858</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.985.381.633</b>	<b>3.698.002.893</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.160.872.275	833.154.893
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3.824.509.358</b>	<b>2.864.848.000</b>

Cần Giờ, ngày 30 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Bùi Thị Minh Ngọc

Nguyễn Thành Thật

Nguyễn Văn Hiếu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	4.985.381.633	3.698.002.893
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.859.025.768	1.725.313.600
Các khoản dự phòng	03	1.491.193.509	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(70.787.952)	(216.466.059)
Chi phí lãi vay	06	60.374.000	97.895.667
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>8.325.186.958</b>	<b>5.304.746.101</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.906.101.747)	2.117.706.791
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(243.422.573)	383.641.310
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	12.646.705.883	1.355.891.433
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(139.386.563)	91.554.670
Tiền lãi vay đã trả	14	(60.374.000)	(97.895.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(777.043.312)	(74.639.148)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(759.204.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>8.845.564.646</b>	<b>8.321.801.490</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(938.213.995)	(9.256.550.325)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	297.591.000	115.200.000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	396.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70.787.952	101.266.059
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(569.835.043)</b>	<b>(8.644.084.266)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	-	2.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.583.330.000)	(1.500.012.333)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.583.330.000)</b>	<b>499.987.667</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>6.692.399.603</b>	<b>177.704.891</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>12.259.075.242</b>	<b>12.081.370.351</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>18.951.474.845</b>	<b>12.259.075.242</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Bùi Thị Minh Ngọc

Nguyễn Thành Thật

Cần Giờ, ngày 30 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Văn Hiếu

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số: 6282/QĐ-UB-KT ngày 05/11/1997 đăng ký lại lần thứ 1 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4106000119, ngày 29/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp. Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV từ tháng 08/2010. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 số 0301447810 ngày 12 tháng 06 năm 2013.

Công ty có trụ sở chính đặt tại: Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhi, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 38.783.000.000 đồng. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sở hữu 100% vốn điều lệ.

#### **1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ, Thương mại và Xây dựng.

#### **1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu cầu đường bộ, tuyến kè bờ biển và đê thủy lợi nội đồng theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao; Cung ứng nước ngọt cho cộng đồng dân cư trên địa bàn. Quản lý, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Hoạt động khác: San lấp mặt bằng; Quản lý và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước; Xây dựng các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng thuộc nhóm C (gồm công trình phúc lợi công cộng, trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện, nhà ở cơ quan, cơ sở sản xuất và dân dụng); Tư vấn khảo sát thiết kế, thi công các công trình giao thông, thủy lợi; Thi công các công trình cấp thoát nước; Khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng gồm: cát, đá, đất, sỏi, bê tông nhựa nóng (chỉ khai thác cát, đá, đất, sỏi khi được cấp giấy phép theo quy định); Đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê;

#### **1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là các hoạt động công ích và thực hiện các hợp đồng xây dựng. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thường quay vòng thường xuyên và liên tục trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là dịch vụ công ích và thực hiện các hợp đồng xây dựng. Các dịch vụ công ích Công ty thực hiện và quyết toán với UBND thành phố còn các hợp đồng xây dựng Công ty phải tự tìm kiếm và đấu thầu theo đúng quy định. Do không phải là doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực xây dựng nên việc đấu thầu cạnh tranh với các doanh nghiệp khác gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngày 28/11/2016, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6225/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2017, công tác Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa vẫn chưa được thực hiện và chưa hoàn thành. Do đó, căn cứ theo Nghị định 126/NĐ-CP/2017 ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì đã quá thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, nên Chủ sở hữu phải điều chỉnh lại thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Chủ sở hữu vẫn chưa có quyết định điều chỉnh thống nhất lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được lập theo mục đích thông thường hàng năm mà không nhằm phục vụ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty không có công ty con, các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**4.1 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

**4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi và được phân loại trên bảng cân đối kế toán theo thời hạn thanh toán ước tính, phụ thuộc vào thời điểm phê duyệt kỹ thuật hồ sơ thiết kế.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần”, Công ty không trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2016.

#### **4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45 và Thông tư 147.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

#### **4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất do Nhà nước giao quản lý và nhà kho của Công ty nắm giữ chờ quyết định mục đích sử dụng mới từ cơ quan quản lý cấp trên. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm xây dựng hoàn thành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)**

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thi nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

**4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả được ghi nhận là các chi phí liên quan giá vốn công trình được trích trước theo lệnh giao việc và tỉ lệ doanh thu ghi nhận trong năm.

**4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**4.9 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

*Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Việc ước tính khối lượng công việc làm cơ sở ghi nhận doanh thu căn cứ vào biên bản nghiệm thu, quyết toán từng đợt với Chủ đầu tư, hoặc Giám sát công trình (bên C).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.9 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.10 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.12 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Hoạt động dịch vụ công, hoạt động xây dựng, hoạt động bán vật liệu xây dựng và hoạt động cung cấp nước ngọt. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

#### 4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các Công ty có vốn Nhà nước chi phối, các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc của Công ty.

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	19.709.287	320.657.602
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.931.765.558	10.938.417.640
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.951.474.845</b>	<b>12.259.075.242</b>

(\*): Là tiền gửi có kỳ hạn gốc 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội với lãi suất 6,3%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>21.644.310.826</b>	<b>12.626.836.597</b>
- Đường đê tiểu vùng 100ha	-	851.560.037
- Duy tu sửa chữa kè đá trung tâm xã Thạnh An	582.426.000	582.426.000
- Nâng cấp mở rộng Trường Mầm Non Thạnh An	68.269.108	3.045.200.000
- Nâng vận tốc khai thác tuyến đường Rừng Sác	255.336.526	5.106.730.517
- Bảo quản, chăm sóc cây xanh 2015	262.514.000	-
- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác	3.124.583.579	26.993.889
- Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống đường bộ	12.131.530.040	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.219.651.573	3.013.926.154
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>9.061.696.947</b>	<b>9.953.678.947</b>
- Phải thu UBND Huyện Cần Giờ (*)	9.061.696.947	9.061.696.947
+ Khu dân cư Bà Xán - Kiểu mẫu	1.035.891.000	1.035.891.000
+ Khu dân cư Hoà Hiệp - Long Hoà	1.596.081.000	1.596.081.000
+ Khu dân cư Đồng Tranh - Long Hoà	4.767.000.000	4.767.000.000
+ Khu dân cư Vàm Sát II	1.089.510.000	1.089.510.000
+ Khu dân cư Giồng Ao	573.214.947	573.214.947
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	891.982.000
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Công nợ liên quan đến các công trình khu dân cư mà Công ty thực hiện theo yêu cầu và chủ trương của UBND Huyện Cần Giờ là 9.061.696.947 đồng, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để thanh toán quyết toán công trình cũng như quyết toán công nợ với các bên có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.845.749.822</b>	-	<b>12.221.522.168</b>	-
- Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	196.143.013	-	-	-
- Tạm ứng	8.844.318.200	-	6.499.536.403	-
- Ký cược, ký quỹ	183.661.887	-	179.670.840	-
- Phải thu khác	15.005.382	-	2.029.923.585	-
+ Thuế GTGT và TNDN chờ quyết toán	-	-	1.621.781.870	-
+ Phải thu khác	15.005.382	-	408.141.715	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt (*)	4.606.621.340	-	3.512.391.340	-
<b>Dài hạn</b>	<b>10.426.585.819</b>	<b>(2.108.079.412)</b>	<b>9.681.985.819</b>	<b>(616.885.903)</b>
- Tạm ứng cho Ông Nguyễn Văn Suông	1.512.214.758	(1.512.214.758)	1.512.214.758	(616.885.903)
- Phải thu khác	8.914.371.061	(595.864.654)	8.169.771.061	-
+ Ban bồi thường GPMB huyện Cần Giờ	6.700.000.000	-	6.700.000.000	-
+ Khu dân cư Vàm Sát II (**)	1.389.510.000	-	1.389.510.000	-
+ Ông Nguyễn Văn Ngoãn	744.600.000	(521.220.000)	-	-
+ Phải thu dài hạn khác	80.261.061	(74.644.654)	80.261.061	-
<b>Cộng</b>	<b>24.272.335.641</b>	<b>(2.108.079.412)</b>	<b>21.903.507.987</b>	<b>(616.885.903)</b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi tại ngày 31/12/2017 có số dư âm 4.606.621.340 đồng và được phản ánh lên chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác. Việc sử dụng và phê duyệt chính thức các quỹ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của Công ty phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Chi Cục Tài chính doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền.

(\*\*) Công trình khu dân cư Vàm sát II Công ty đã tập hợp hồ sơ chờ UBND huyện Cần Giờ quyết toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## 8. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.331.459.412	223.380.000	1.512.214.758	895.328.855
+ Ông Nguyễn Văn Suông (*)	1.586.859.412	-	1.512.214.758	895.328.855
+ Ông Nguyễn Văn Ngoãn (**)	744.600.000	223.380.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.331.459.412</b>	<b>223.380.000</b>	<b>1.512.214.758</b>	<b>895.328.855</b>

(\*) Khoản nợ phải thu Ông Nguyễn Văn Suông đã quá hạn trên 3 năm, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100%.

(\*\*) Khoản nợ phải thu Ông Nguyễn Văn Ngoãn đã quá hạn trên 3 năm, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 70%.

## 9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	356.028.476	-	312.800.258	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	315.498.076	-	21.248.407	-
Hàng hóa	850.307.947	-	944.363.261	-
<b>Cộng</b>	<b>1.521.834.499</b>	<b>-</b>	<b>1.278.411.926</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 01/01/2017	3.161.320.323	10.725.131.541	11.605.079.438	150.488.010	145.265.535	25.787.284.847
- Mua trong năm	-	-	265.368.545	-	-	265.368.545
Tại 31/12/2017	<u>3.161.320.323</u>	<u>10.725.131.541</u>	<u>11.870.447.983</u>	<u>150.488.010</u>	<u>145.265.535</u>	<u>26.052.653.392</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại 01/01/2017	1.920.613.725	7.310.650.767	4.462.850.144	150.488.010	3.793.044	13.848.395.690
- Khấu hao trong năm	93.690.804	643.304.256	1.358.568.604	-	29.053.104	2.124.616.768
Tại 31/12/2017	<u>2.014.304.529</u>	<u>7.953.955.023</u>	<u>5.821.418.748</u>	<u>150.488.010</u>	<u>32.846.148</u>	<u>15.973.012.458</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2017	1.240.706.598	3.414.480.774	7.142.229.294	-	149.058.579	11.938.889.157
Tại 31/12/2017	<u>1.147.015.794</u>	<u>2.771.176.518</u>	<u>6.049.029.235</u>	-	<u>112.419.387</u>	<u>10.079.640.934</u>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 25.989.653.392 đồng.

Nguyên giá tại ngày 31/12/2017 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 2.627.000.000 đồng.

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 2.146.795.705 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**II. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

a) Bất động sản đầu tư cho thuê

b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

**NGUYÊN GIÁ**

- Quyền sử dụng đất

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

- Quyền sử dụng đất

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

- Quyền sử dụng đất

	Tại 01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
	-	-	-	-
	265.591.000	-	265.591.000	-
	265.591.000	-	265.591.000	-
	-	-	-	-
	-	-	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒ DANG DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Khu dân cư Giồng Ao	26.937.952	26.937.952	26.937.952	26.937.952
- Khu dân cư Bà Xán - Kiểu mẫu	29.400.657	29.400.657	29.400.657	29.400.657
- Khu dân cư Cá Cháy - ATĐ	2.103.635.431	2.103.635.431	2.103.635.431	2.103.635.431
- Khu dân cư Hoà Hiệp - Long Hoà	325.707.191	325.707.191	325.707.191	325.707.191
- Khu dân cư Đồng Tranh - Long Hoà	89.458.583	89.458.583	89.458.583	89.458.583
- Khu dân cư Đồng Dinh - Long Hoà	2.335.000	2.335.000	2.335.000	2.335.000
- Khu dân cư Vàm Sát II	717.913.279	717.913.279	717.913.279	717.913.279
- Khu dân cư Cọ Dầu - Bình Khánh	356.492.927	356.492.927	356.492.927	356.492.927
- Khu Dân Cư Giồng Ao II	48.452.159	48.452.159	48.452.159	48.452.159
- Khu dân cư Giồng Ao (Iha)	11.324.349	11.324.349	11.324.349	11.324.349
<b>Cộng</b>	<b>3.711.657.528</b>	<b>3.711.657.528</b>	<b>3.711.657.528</b>	<b>3.711.657.528</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Tại 31/12/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
	VND	VND
- Tiền sử dụng đất kho 360 dự án 8ha để đầu tư xây dựng nhà để bán theo quy hoạch	4.127.142.790	4.159.142.790
- Công trình xây dựng văn phòng đội xây lắp An Nghĩa	318.223.236	318.223.236
- Quyền sử dụng đất khu đường Nguyễn Phan Vinh, TT Cần Thạnh, huyện Cần Giờ	206.892.000	206.892.000
- Hàng rào khu đất kho 360	17.150.000	-
- Công trình lắp đặt, di dời tuyến ống nước đường Đào Cử	211.200.337	-
- Công trình lắp đặt, di dời tuyến ống nước đường Giồng Ao	444.495.113	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.325.103.476</u></b>	<b><u>4.684.258.026</u></b>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Tại 31/12/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>237.168.136</b>	<b>97.781.573</b>
- Chi phí đồng phục	28.500.000	64.044.500
- Chi phí sửa xe	148.610.636	-
- Chi mua máy photo	17.500.000	-
- Chi phí khác	42.557.500	33.737.073
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>237.168.136</u></b>	<b><u>97.781.573</u></b>

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CÁN GIỜ**

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cồn Thanh, Huyện Cồn Giò, Tp.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>228.095.613</b>	<b>228.095.613</b>	<b>161.067.502</b>	<b>161.067.502</b>
- Công ty TNHH TM DV Minh Thiên Thành	36.415.500	36.415.500	65.909.089	65.909.089
- Công ty TNHH Thiết Bị Tự Động Thang Máy MITSUBISHI Bảo Việt	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000
- NGŨ HOÀNG LUÂN	57.290.913	57.290.913	57.290.913	57.290.913
- Hộ kinh doanh sửa chữa xe cơ giới Anh Cường	85.000.000	85.000.000	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	34.539.200	34.539.200	23.017.500	23.017.500
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2017		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cán trừ thuế nộp thừa		Tại 31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>										
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.107.909.500	6.085.358.869	4.391.727.610	-	-	-	2.801.540.759			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	748.231.407	1.160.872.275	777.043.312	749.541.995	-	-	382.518.375			
- Thuế bảo vệ môi trường	341.114.619	459.478.755	299.139.279	-	-	-	501.454.095			
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-			
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.600.000	6.600.000	-	-	-	-			
<b>Cộng</b>	<b>2.197.255.526</b>	<b>7.715.309.899</b>	<b>5.477.510.201</b>	<b>749.541.995</b>	<b>3.685.513.229</b>					
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>										
- Thuế thu nhập cá nhân	29.707.819	12.522.030	-	134.709.084	-	-	151.894.873			
<b>Cộng</b>	<b>29.707.819</b>	<b>12.522.030</b>	<b>-</b>	<b>134.709.084</b>	<b>151.894.873</b>					

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.526.428.859</b>	<b>20.526.428.859</b>	<b>10.222.112.099</b>	<b>10.222.112.099</b>
- Chi phí các công trình sửa chữa	7.413.673.137	-	7.193.253.112	7.193.253.112
- Chi phí các công trình xây lắp	10.757.827.820	7.413.673.137	2.141.765.308	2.141.765.308
- Chi phí các công trình đường đê, nội áp	1.552.396.096	1.552.396.096	646.093.679	646.093.679
- Chi phí các công trình công ích	802.531.806	802.531.806	241.000.000	241.000.000
- Các khoản trích trước khác	-	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.526.428.859</b>	<b>20.526.428.859</b>	<b>10.222.112.099</b>	<b>10.222.112.099</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.146.385.890</b>	<b>4.146.385.890</b>	<b>5.004.469.657</b>	<b>5.004.469.657</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.146.385.890	4.146.385.890	5.004.469.657	5.004.469.657
+ Bảo hành công trình các đội	554.928.377	554.928.377	1.513.792.469	1.513.792.469
+ Tiền bù cấp giá nước	1.837.799.509	1.837.799.509	1.338.593.094	1.338.593.094
+ Chi phí chờ quyết toán	-	-	359.782.915	359.782.915
+ Phải trả chênh lệch kinh phí do giảm tiền lương trong đơn giá các sản phẩm, dịch vụ công ích 2012 và 2013	1.670.727.443	1.670.727.443	1.670.727.443	1.670.727.443
+ Phải trả khác	82.930.561	82.930.561	121.573.736	121.573.736
<b>Dài hạn</b>	<b>12.422.741.329</b>	<b>12.422.741.329</b>	<b>12.422.741.329</b>	<b>12.422.741.329</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.422.741.329	12.422.741.329	12.422.741.329	12.422.741.329
+ Dự án tái định cư Cọ Dầu	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
+ Phải trả dài hạn khác	422.741.329	422.741.329	422.741.329	422.741.329
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.569.127.219</b>	<b>16.569.127.219</b>	<b>17.427.210.986</b>	<b>17.427.210.986</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	Tại 31/12/2017		Trong năm		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Quý Bảo vệ môi trường Tp Hồ Chí Minh [1]	499.987.667	499.987.667	499.867.667	1.583.330.000	1.583.450.000	1.583.450.000
<b>Vay dài hạn</b>						
Quý Bảo vệ môi trường Tp Hồ Chí Minh [2]	-	-	-	499.867.667	499.867.667	499.867.667
<b>Cộng</b>	<b>499.987.667</b>	<b>499.987.667</b>	<b>499.867.667</b>	<b>2.083.197.667</b>	<b>2.083.317.667</b>	<b>2.083.317.667</b>

[1] Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 07-01/QBVM-T-HĐTD ngày 07/07/2015 với Quý bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay 2 năm, lãi suất 4,8%/năm, mục đích vay là để thực hiện dự án "Đầu tư mua mới 02 xe ép rác 9m<sup>3</sup>" và thể chấp khoản vay bằng 2 xe ép rác. Công ty trả gốc vay vào ngày cuối mỗi tháng với số tiền là 83.344.000 đồng.

[2] Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 06-2016/HĐTD-QBVM-T ngày 17/06/2016 với Quý bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay 2 năm, lãi suất 4,9%/năm, mục đích vay là để thực hiện dự án "Đầu tư mua mới 01 xe ép rác 20m<sup>3</sup>" và thể chấp khoản vay bằng xe ép rác. Công ty trả gốc vay vào ngày cuối mỗi tháng với số tiền là 83.344.000 đồng.

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

Số âm Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phản ánh trên chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác (Xem thêm tại thuyết minh số 7)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	của chủ sở hữu VND	phát triển VND	chưa phân phối VND	VND
Tại 01/01/2016	38.783.000.000	3.388.676.842	(5.090.511.173)	37.081.165.669
- Lãi trong năm	-	-	2.864.848.000	2.864.848.000
Tại 31/12/2016	38.783.000.000	3.388.676.842	(2.225.663.173)	39.946.013.669
Tại 01/01/2017	38.783.000.000	3.388.676.842	(2.225.663.173)	39.946.013.669
- Lãi trong năm	-	-	3.824.509.358	3.824.509.358
Tại 31/12/2017	38.783.000.000	3.388.676.842	1.598.846.185	43.770.523.027



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**21.2 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.388.676.842	3.388.676.842

**22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>71.462.977.673</b>	<b>59.358.843.256</b>
- Doanh thu từ ngân sách huyện Cần Giờ	58.119.570.755	30.366.924.668
+ <i>Doanh thu dịch vụ công ích</i>	18.405.369.631	15.300.396.888
+ <i>Doanh thu hợp đồng xây dựng thuộc ngân sách</i>	33.275.675.824	8.071.427.061
+ <i>Doanh thu cung cấp nước ngọt</i>	6.438.525.300	6.995.100.719
- Doanh thu bán hàng hóa	2.443.683.361	3.517.266.349
- Doanh thu khác	99.521.818	47.618.182
- Doanh thu hợp đồng xây dựng ngoài ngân sách	10.800.201.739	25.427.034.057
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	44.075.877.563	25.427.034.057
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC	44.075.877.563	49.311.938.358
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	-	-

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn công trình ngân sách huyện Cần Giờ	44.644.719.847	20.101.995.213
+ <i>Giá vốn dịch vụ công ích</i>	15.940.857.080	10.850.709.782
+ <i>Giá vốn hợp đồng xây dựng thuộc ngân sách</i>	26.942.861.073	7.212.520.651
+ <i>Giá vốn cung cấp nước ngọt</i>	1.761.001.694	2.038.764.780
Giá vốn bán hàng	2.105.645.416	2.934.864.682
Giá vốn hợp đồng xây dựng ngoài ngân sách	9.489.596.167	23.652.987.022
<b>Cộng</b>	<b>56.239.961.430</b>	<b>46.689.846.917</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.787.952	101.266.059
Thu tiền lãi bảo hành công trình	-	1.179.060
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	25.250.000
<b>Cộng</b>	<b>70.787.952</b>	<b>127.695.119</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	60.374.000	97.895.667
<b>Cộng</b>	<b>60.374.000</b>	<b>97.895.667</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	115.200.000
Thu nhập từ thu Ngân sách trả tiền về cung cấp dịch vụ công ích từ các năm trước	102.414.000	843.922.000
Thu nhập từ bồi thường di dời, cải tạo đường ống đường Giồng Ao, Đào Cừ	1.490.775.050	-
Thu nhập từ bồi thường nhà kho 360	265.591.000	-
Các khoản thu nhập khác	15.238.091	31.098.223
<b>Cộng</b>	<b>1.874.018.141</b>	<b>990.220.223</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi nộp phạt, truy thu thuế	6.600.000	1.339.365
Xử lý thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ các năm trước	737.530.791	-
Xử lý công nợ không có đối tượng	27.931.000	-
<b>Cộng</b>	<b>772.061.791</b>	<b>1.339.365</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>8.600.114.879</b>	<b>7.256.605.072</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.265.073.816	4.955.995.479
- Chi phí đồ dùng văn phòng	500.000	21.970.909
- Chi phí khấu hao TSCĐ	89.506.368	89.506.368
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	1.491.193.509	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.584.143.683	1.716.701.346
- Chi phí bằng tiền khác	166.697.503	469.430.970
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>2.749.890.033</b>	<b>2.733.068.684</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.859.168.319	1.121.875.481
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	750.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	335.613.084	335.613.084
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	555.108.630	1.274.830.119
- Chi phí bằng tiền khác	-	-
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	34.350.420.423	25.411.191.541
Chi phí nhân công	33.847.808.126	22.038.604.203
Khấu hao tài sản cố định	2.124.616.768	1.689.688.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.883.807.954	10.981.857.076
Chi phí bằng tiền khác	1.660.891.012	472.625.676
<b>Cộng</b>	<b><u>79.867.544.283</u></b>	<b><u>60.593.966.694</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.985.381.633</b>	<b>3.698.002.893</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng TNCT</b>	<b>793.310.198</b>	<b>467.771.574</b>
- Các khoản chi phí phạt	6.600.000	1.339.365
- Xử lý thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ các năm trước	737.530.791	-
- Xử lý công nợ không có đối tượng	27.931.000	466.432.209
- Chi phí không hợp lý khác	21.248.407	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm TNCT</b>	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>5.778.691.831</b>	<b>4.165.774.467</b>
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	1.155.738.366	833.154.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	5.133.909	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>1.160.872.275</b>	<b>833.154.893</b>

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của vốn Nhà nước thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.951.474.845	12.259.075.242
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.334.266.219	30.155.051.642
<b>Cộng</b>	<b>58.285.741.064</b>	<b>42.414.126.884</b>
	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	16.797.222.832	17.588.278.488
Chi phí phải trả	20.526.428.859	10.222.112.099
Vay ngắn hạn, dài hạn	499.987.667	2.083.317.667
<b>Cộng</b>	<b>37.823.639.358</b>	<b>29.893.708.254</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>20.462.101.706</b>	<b>12.520.418.630</b>

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)**

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.374.481.503	12.422.741.329	16.797.222.832
Chi phí phải trả	20.526.428.859	-	20.526.428.859
Vay ngắn hạn, dài hạn	499.987.667	-	499.987.667
<b>Cộng</b>	<b>25.400.898.029</b>	<b>12.422.741.329</b>	<b>37.823.639.358</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.165.537.159	12.422.741.329	17.588.278.488
Vay ngắn hạn, dài hạn	1.583.450.000	499.867.667	2.083.317.667
Chi phí phải trả	10.222.112.099	-	10.222.112.099
<b>Cộng</b>	<b>16.971.099.258</b>	<b>12.922.608.996</b>	<b>29.893.708.254</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.951.474.845	-	18.951.474.845
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.272.569.272	9.061.696.947	39.334.266.219
<b>Cộng</b>	<b>49.224.044.117</b>	<b>9.061.696.947</b>	<b>58.285.741.064</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.259.075.242	-	12.259.075.242
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.689.157.937	11.465.893.705	30.155.051.642
<b>Cộng</b>	<b>30.948.233.179</b>	<b>11.465.893.705</b>	<b>42.414.126.884</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2017	Hoạt động dịch vụ công ích		Hoạt động cấp nước sinh hoạt		Hoạt động bán hàng hóa		Hoạt động xây dựng		Hoạt động khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.405.369.631	6.438.525.300	2.443.683.361	44.075.877.563	99.521.818	71.462.977.673					
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-					
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.405.369.631	6.438.525.300	2.443.683.361	44.075.877.563	99.521.818	71.462.977.673					
Giá vốn bộ phận	(15.940.857.080)	(1.761.001.694)	(2.105.645.416)	(36.432.457.240)	-	(56.239.961.430)					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.464.512.551	4.677.523.606	338.037.945	7.643.420.323	99.521.818	15.223.016.243					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(11.350.004.912)					
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	-	-	-	-	-	3.873.011.331					
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	70.787.952					
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(60.374.000)					
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	1.874.018.141					
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(772.061.791)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(1.160.872.275)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-					
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-	-	-	-	3.824.509.358					



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2016

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giảm trừ doanh thu

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

*Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh*

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

*Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*

Hoạt động dịch vụ công ích	Hoạt động cấp nước sinh hoạt	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động xây dựng	Hoạt động khác	Cộng
VND	VND	VND	VND	VND	VND
15.300.396.888	6.995.100.719	3.517.266.349	33.498.461.118	47.618.182	59.358.843.256
-	-	-	-	-	-
15.300.396.888	6.995.100.719	3.517.266.349	33.498.461.118	47.618.182	59.358.843.256
(10.850.709.782)	(2.038.764.780)	(2.934.864.682)	(30.865.507.673)	-	(46.689.846.917)
4.449.687.106	4.956.335.939	582.401.667	2.632.953.445	47.618.182	12.668.996.339
-	-	-	-	-	(9.989.673.756)
-	-	-	-	-	2.679.322.583
-	-	-	-	-	127.695.119
-	-	-	-	-	(97.895.667)
-	-	-	-	-	990.220.223
-	-	-	-	-	(1.339.365)
-	-	-	-	-	(833.154.893)
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	2.864.848.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**33.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**33.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**33.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

**33.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc:**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc</b>	<b>2.358.000.000</b>	<b>1.656.000.000</b>
Tiền lương, thưởng	2.358.000.000	1.656.000.000
Phụ cấp	-	-

**34. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 do có các sai sót trong ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm 2016 và các năm trước, liên quan đến Công văn số 5493/UBND của Ủy ban Nhân dân huyện Cần Giờ ngày 15/12/2016 về việc thu hồi nộp ngân sách huyện khoản chênh lệch kinh phí khi điều chỉnh mức tiền lương trong đơn giá các sản phẩm, dịch vụ công ích của Công ty năm 2012 và 2013 với tổng giá trị thu hồi là 1.670.727.443 đồng. Việc điều chỉnh hồi tố được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót". Theo đó, việc điều chỉnh hồi tố này sẽ làm ảnh hưởng lũy kế đến số dư của một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2017. Cụ thể số liệu so sánh cho Báo cáo tài chính năm 2017 được trình bày lại như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**34. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Chỉ tiêu	Mã số	Số kiểm toán	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
		31/12/2016	hồi tố	01/01/2017
		VND	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	319	3.333.742.214	1.670.727.443	5.004.469.657
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.614.937.387	(417.681.861)	2.197.255.526
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(972.617.591)	(1.253.045.582)	(2.225.663.173)

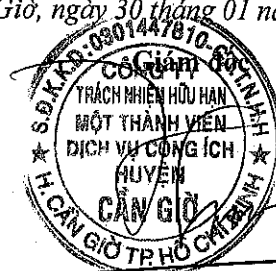
**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán sau khi thực hiện điều chỉnh hồi tố như được nêu tại mục 34 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Cần Giờ, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Bùi Thị Minh Ngọc

Nguyễn Thành Thật

Nguyễn Văn Hiếu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**PHỤ LỤC SỐ 01**

STT	Đối tượng phải thu	Số dư tại	Dự phòng Công	Dự phòng cần
		31/12/2017	ty đã trích lập tại 31/12/2017	trích lập bổ sung lập tại 31/12/2017
		VND	VND	VND
1	Sửa chữa cầu Trạm Xá xã Hiệp Phước	5.616.407	-	5.616.407
2	Ông Nguyễn Văn Ngoãn	744.600.000	521.220.000	223.380.000
3	Khu dân cư Giồng Ao	573.214.947	-	573.214.947
4	Khu dân cư Bà Xán - Kiểu mẫu	1.035.891.000	-	1.035.891.000
5	Khu dân cư Hoà Hiệp - Long Hoà	1.596.081.000	-	1.596.081.000
6	Khu dân cư Đồng Tranh-Long Hoà	4.767.000.000	-	4.767.000.000
7	Khu dân cư Vàm Sát II	1.089.510.000	-	1.089.510.000
8	Khu dân cư Vàm Sát II	1.389.510.000	-	1.389.510.000
9	Ông Đoàn Văn Dân	10.000.000	-	10.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>11.211.423.354</b>	<b>521.220.000</b>	<b>10.690.203.354</b>

